TRƯỜNG ĐH KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

TRUNG TÂM THỰC NGHIỆM

Môn học: **W404**

Thực tập cơ sở chuyên ngành

BẢNG ĐIỂM THỰC TẬP
TRUNG TÂM THỰC NGHIỆM
Kỳ I năm học 2014 - 2015

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Trang bị	Đo lường	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét	Ghi chú
1	DTK0951030076	Nguyễn Tuấn	Anh	8/9/1990	7	9	7	7	**7.5**	Đạt	
2	DTK1051030074	Nguyễn Văn	Anh	26/05/92	7	8	8	7	**7.5**	Đạt	
3	DTK1051030214	Trần Đức	Anh	18/08/92	7	9	7	8	**7.8**	Đạt	
4	DTK1051030284	Phạm Thị Vân	Anh	10/2/1992	8	9	8	9	**8.5**	Đạt	
5	DTK1051030365	Nguyễn Tuấn	Anh	28/05/91	8	8	7	7	**7.5**	Đạt	
6	DTK1151020063	Vũ Tuấn	Anh	27/12/93	b				**0.0**		
7	DTK1051030076	Lương Đức	Bẩy	20/12/91	5	8	8	7	**7.0**	Đạt	
8	DTK1051030147	Hoàng Văn	Bình	15/02/91	7	7	8	8	**7.5**	Đạt	
9	DTK1051030287	Lê Văn	Bình	13/09/92	8	9	7	9	**8.3**	Đạt	
10	DTK1051030288	Nguyễn Thanh	Bình	17/10/89	8	9	7	8	**8.0**	Đạt	
11	DTK1051030367	Lê Nho	Bình	24/10/91	8	8	7	9	**8.0**	Đạt	
12	DTK0951030225	Vũ Văn	Chiêm	27/02/90	7	7	8	8	**7.5**	Đạt	
13	DTK1051030219	Đinh Văn	Chước	12/11/1992	7	7	7	8	**7.3**	Đạt	
14	DTK1051030008	Dương Thị Hồng	Cúc	20/03/92	7	8	7	8	**7.5**	Đạt	
15	DTK1051030217	Vũ Mạnh	Cương	28/09/92	5	8	8	7	**7.0**	Đạt	
16	DTK1051030225	Vũ Đình	Đại	16/02/92	7	9	8	8	**8.0**	Đạt	
17	DTK1051030085	Nguyễn Trung	Đoàn	1/9/1992	7	9	8	8	**8.0**	Đạt	
18	DTK1051030015	Phan Văn	Đức	23/04/92	7	9	7	8	**7.8**	Đạt	
19	DTK1051030377	Trần Văn	Đức	5/5/1992	8	8	7	9	**8.0**	Đạt	
20	DTK1051030378	Nguyễn Văn	Đức	26/10/91	8	9	5	8	**7.5**	Đạt	
21	DTK1051030009	Nguyễn Trung	Dũng	3/11/1992	7	8	8	8	**7.8**	Đạt	

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Trang bị	Đo lường	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét	Ghi chú
22	DTK1051030153	ứng Văn	Dũng	13/10/92	7	7	8	8	**7.5**	Đạt	
23	DTK1051030293	Phạm Quang	Dương	19/01/92	8	9	6	8	**7.8**	Đạt	
24	DTK1051030223	Nguyễn Minh	Duyên	29/02/92	5	9	7	7	**7.0**	Đạt	
25	DTK1051030158	Nguyễn Đức	Giang	5/3/1992	7	9	7	7	**7.5**	Đạt	
26	DTK1051030299	Nguyễn Văn	Giang	18/08/91	8	8	8	6	**7.5**	Đạt	
27	DTK1051030089	Nguyễn Văn	Hải	9/7/1989	7	9	7	8	**7.8**	Đạt	
28	DTK1051030231	Vũ Thị	Hải	25/08/92	8	8	7	5	**7.0**	Đạt	
29	DTK1051030301	Lê Văn	Hải	27/07/92	8	9	6	8	**7.8**	Đạt	
30	DTK1051030164	Lô Thị	Hiện	26/09/92	5	9	8	7	**7.3**	Đạt	
31	111050821	Phạm Trung	Hiếu	18/02/87	5		5		**2.5**	Thiếu ban	
32	DTK1051030310	Trịnh Hữu	Hiếu	9/6/1992	8	9	7	8	**8.0**	Đạt	
33	DTK1051020111	Dương Thanh	Hoàn	19/01/91		8		b	**2.0**	Thiếu ban	
34	DTK1051030024	Đinh Văn	Hoàng	25/11/92	7	8	7	7	**7.3**	Đạt	
35	DTK1051030091	Nguyễn Thế	Học	4/4/1992	6	8	7	7	**7.0**	Đạt	
36	DTK1051030097	Chu Văn	Hon	20/02/92	7	9	8	5	**7.3**	Đạt	
37	DTK1051030023	Trịnh Quang	Hợp	26/10/92	7	8	7	6	**7.0**	Đạt	
38	DTK0851030102	Th©n Quang	Hu©n	11/8/1990		5		6	**2.8**	Thiếu ban	
39	DTK1051020277	Dương Văn	Huân	2/4/1992	b		7		**1.8**	Thiếu ban	
40	DTK0951030245	Ngô Văn	Huấn	24/09/91	8	8	7	6	**7.3**	Đạt	
41	DTK1051030313	Nguyễn Thị	Huệ	13/11/92	8	9	7	8	**8.0**	Đạt	
42	DTK1051030233	Bùi Văn	Hùng	5/2/1992	8	9	5	7	**7.3**	Đạt	
43	DTK1051020027	Phạm Văn	Hưng	11/4/1991			b		**0.0**		
44	DTK1051030304	Nguyễn Văn	Hướng	10/4/1992	8	8	7	8	**7.8**	Đạt	
45	DTK1051030028	Nguyễn Thị	Huyền	10/10/1991	7	8	7	6	**7.0**	Đạt	
46	DTK0951030032	Tạ Đình	Khoa	4/5/1990	6	8	7	7	**7.0**	Đạt	

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Trang bị	Đo lường	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét	Ghi chú
47	DTK1051030316	Nguyễn Trọng	Kiểm	5/4/1992	8	9	8	8	**8.3**	Đạt	
48	DTK1051030030	Trần Trung	Kiên	20/09/92	7	7	8	7	**7.3**	Đạt	
49	DTK1051030031	Dương Thị	Kim	15/08/92	6	8	7	8	**7.3**	Đạt	
50	DTK0951020317	Trần Thế	Lâm	10/10/1991	b				**0.0**		
51	DTK1151030249	Nguyễn Duy	Lộc	4/6/1993			b		**0.0**		
52	DTK1051030318	Nguyễn Tùng	Long	17/06/92	8	9	6	8	**7.8**	Đạt	
53	DTK1051030246	Vũ Bình	Luật	17/01/89	8	9	5	6	**7.0**	Đạt	
54	DTK1051020285	Triệu Bình	Lực	24/12/92				b	**0.0**		
55	DTK0951030113	Nguyễn Văn	Mạnh	18/11/91	8	5	7	7	**6.8**	Đạt	
56	DTK1051030248	Phạm Bá	Mạnh	24/10/92	7	9	5	8	**7.3**	Đạt	
57	DTK1051030322	Nguyễn Hoài	Nam	12/10/1992	8	9	7	9	**8.3**	Đạt	
58	DTK1051030405	Nguyễn Văn	Nam	23/03/92	8	9	5	8	**7.5**	Đạt	
59	DTK1051030039	Ngô Hoàng	Nghĩa	14/05/91	7	9	7	7	**7.5**	Đạt	
60	DTK1051030181	Dương Tiến	Ngọc	4/7/1992	9	9	9	8	**8.8**	Đạt	
61	DTK1051030327	Đỗ Thị Hồng	Ngọc	16/05/92	7	9	7	7	**7.5**	Đạt	
62	DTK1051020128	Đỗ Bình	Nguyên	6/10/1992	b	9	b		**2.3**	Thiếu ban	
63	DTK1051030041	Hoàng Văn	Nhâm	21/10/92	7	9	8	6	**7.5**	Đạt	
64	DTK1051030184	Lê Thị Hồng	Nhung	5/7/1992	7	8	7	6	**7.0**	Đạt	
65	1111060120	Nguyễn Hồng	Phong	12/4/1987			8	7	**3.8**	Thiếu ban	
66	DTK1051030412	Lê Hải	Phong	14/12/92	8	9	5	8	**7.5**	Đạt	
67	DTK1051030044	Nguyễn Văn	Quân	20/02/89	7	8	7	7	**7.3**	Đạt	
68	DTK1051030333	Nguyễn Hồng	Quân	2/4/1992	8	9	6	9	**8.0**	Đạt	
69	DTK1051030334	Dương Văn	Quang	2/10/1992	8	9	6	8	**7.8**	Đạt	
70	DTK1051030189	Nguyễn Văn	Quế	6/2/1992	7	8	8	7	**7.5**	Đạt	
71	DTK1051020660	Kim Xuân	Quyền	10/6/1991	b		b		**0.0**		

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Trang bị	Đo lường	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét	Ghi chú
72	DTK1051030190	Lê Tiến	Quyền	26/10/92	9	10	8	8	**8.8**	Đạt	
73	DTK1051020052	Bùi Văn	Quyết	26/01/92			b		**0.0**		
74	DTK1051030048	Nguyễn Văn	Quyết	16/06/92	7	8	7	8	**7.5**	Đạt	
75	DTK1051030418	Tống Văn	Sinh	6/12/1992	8	9	5	6	**7.0**	Đạt	
76	DTK1051030049	Nguyễn Hoàng	Sơn	17/10/92	8	9	8	6	**7.8**	Đạt	
77	DTK1051030261	Nguyễn Thái	Sơn	24/11/92	8	9	5	7	**7.3**	Đạt	
78	DTK1051030051	Trần Ngọc	Tân	30/06/92	8	9	8	8	**8.3**	Đạt	
79	DTK0951020401	Nguyễn Ngọc	Thái	28/05/91	b		8	7	**3.8**	Thiếu ban	
80	DTK1051030264	Bùi Thọ	Thăng	7/9/1992	8	9	5	8	**7.5**	Đạt	
81	DTK1051030345	Nguyễn Bá	Thắng	10/3/1992	8	9	5	8	**7.5**	Đạt	
82	DTK1051030125	Tô Văn	Thảo	5/5/1992	7	8	7	8	**7.5**	Đạt	
83	DTK1051030429	Nguyễn Thị	Thể	11/7/1991	8	8	7	7	**7.5**	Đạt	
84	DTK1051020579	Vũ Văn	Thịnh	20/07/90			7		**1.8**	Thiếu ban	
85	DTK1051030056	Phạm Thị	Thu	14/07/92	7	8	8	7	**7.5**	Đạt	
86	DTK1051020231	Trần Vi	Tiên	9/2/1992			7		**1.8**	Thiếu ban	
87	DTK1051030202	Nguyễn Như	Tiến	28/06/92	8	9	8	8	**8.3**	Đạt	
88	DTK1051030272	Hoàng Khắc	Tiến	13/10/92	8	8	8	6	**7.5**	Đạt	
89	DTK1051030353	Nguyễn Xuân	Tiến	4/12/1991	8	9	6	9	**8.0**	Đạt	
90	DTK0951030062	Phạm Văn	Tiệp	23/08/91	9	7	8	8	**8.0**	Đạt	
91	DTK0951030286	Cao Thịnh	Tọa	4/8/1991				b	**0.0**		
92	DTK1051030435	Vũ Thị	Trang	27/09/92	8	8	7	7	**7.5**	Đạt	
93	DTK1051030356	Đặng Thị	Triển	2/1/1992	8	8	8	6	**7.5**	Đạt	
94	DTK0951030139	Nguyễn Văn	Trình	10/5/1990	8	8	4	7	**6.8**	Đạt	
95	DTK1051030135	Lèng Văn	Trong	11/3/1992	8	9	8	8	**8.3**	Đạt	
96	DTK0951030141	Lý Quang	Trung	9/5/1991	9	8	7	8	**8.0**	Đạt	

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Trang bị	Đo lường	Máy điện	Điện tử	Trung bình	Xét	Ghi chú
97	DTK1051030437	Ngô Quang	Trung	19/05/91	8	8	7	6	**7.3**	Đạt	
98	DTK0951030211	Lê Văn	Trường	18/04/91	8	8	7	6	**7.3**	Đạt	
99	DTK1051030063	Phạm Văn	Trưởng	1/10/1992	7	8	8	8	**7.8**	Đạt	
100	DTK1051030273	Ngô Thanh	Tú	7/9/1992	8	8	6	6	**7.0**	Đạt	
101	DTK1051030050	Lê Văn	Tư	19/03/92	8	9	7	7	**7.8**	Đạt	
102	DTK1051060033	Trần Xuân	Tứ	10/1/1992	b		b	b	**0.0**		
103	DTK1051030064	Nguyễn Văn	Tuân	5/1/1992	7	9	7	7	**7.5**	Đạt	
104	111050717	Hoàng Văn	Tuấn	11/11/1987	8		b	6	**3.5**	Thiếu ban	
105	DTK0951030145	Nguyễn Văn	Tuấn	20/08/91	8	7	7	8	**7.5**	Đạt	
106	DTK1051030065	Nguyễn Ngọc	Tuấn	26/12/92	7	9	7	7	**7.5**	Đạt	
107	DTK1051030137	Nguyễn Đình	Tuấn	9/8/1992	8	9	7	7	**7.8**	Đạt	
108	DTK1051030271	Nguyễn Thanh	Tùng	15/12/92	8	8	8	6	**7.5**	Đạt	
109	DTK1151020216	Lăng Văn	Tùng	19/02/93	b				**0.0**		
110	DTK1051030123	Đào Thị	Tươi	5/11/1992	8	8	6	8	**7.5**	Đạt	
111	DTK1051030067	Đồng Thị	Tuyết	5/12/1992	7	8	7	7	**7.3**	Đạt	
112	DTK1051030358	Chu Thị	Tuyết	13/10/92	7	9	7	6	**7.3**	Đạt	
113	DTK1051030210	Nguyễn Thế	Văn	19/02/92	7	8	6	8	**7.3**	Đạt	
114	DTK1051030069	Trịnh Đình	Việt	21/04/92	7	8	8	8	**7.8**	Đạt	
115	DTK1051030361	Đàm Huy	Việt	20/07/92	8	8	8	6	**7.5**	Đạt	
116	DTK1051030282	Tô Cao	Xanh	22/08/92	8	9	8	9	**8.5**	Đạt	
117	DTK1051030444	Giáp Thị Như	Ý	7/12/1992	8	8	8	6	**7.5**	Đạt	
118	DTK0951030405	Nguyễn Hải	Yến	14/06/91	8	9	7	6	**7.5**	Đạt	

Ấn định danh sách: 118 SV